

MỤC LỤC

1. Mục lục	Trang
2. Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	3-4
3. Kế toán tài chính công ty	5-7
4. Bảng cân đối kế toán giữa kỳ (từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012)	8-9
5. Báo cáo kết quả hoạt động tài chính giữa kỳ (từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012)	10-11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa kỳ (từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012)	12-13
7. Báo cáo tài chính công ty	14-15
8. Phụ lục thuyết minh Báo cáo tài chính giữa kỳ (từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012)	16-31

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	11 - 12
7. Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	13
8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	14 - 31

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam được thành lập theo Nghị quyết của cổ đông sáng lập ngày 03 tháng 04 năm 2007 về việc cùng nhau góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Dương (nay là Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam được cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo Quyết định số 62/UBCK-GP ngày 30 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong quá trình hoạt động Công ty được điều chỉnh theo Quyết định số 67/UBCK-GP ngày 26 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước do thay đổi vốn điều lệ của Công ty.

Vốn điều lệ theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Thành tiền
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	269.500	2.695.000.000
Ông Lê Minh Tuấn	785.799	7.857.990.000
Ông Trịnh Quốc Vân	931.710	9.317.100.000
Ông Trần Quang Luyến	434.000	4.340.000.000
Ông Trần Đức Chiến	1.088.560	10.885.600.000
Bà Trần Thị Hồng Hà	599.640	5.996.400.000
Bà Lê Phương Huyền	40.000	400.000.000
Các cổ đông khác	3.350.791	33.507.910.000
Cộng	7.500.000	75.000.000.000

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 28 Tầng Bạt Hồ - Phường Phạm Đình Hồ - Quận Hai Bà Trưng - TP Hà Nội
Điện thoại : (84.4) 39 726 178
Fax : (84.4) 39 726 179
Mã số thuế : 0 1 0 2 4 5 9 1 0 6

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

Công ty thực hiện các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán, gồm: môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 31).

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2012 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Trịnh Quốc Vân	Chủ tịch	30 tháng 3 năm 2012	
Ông Lê Minh Tuấn	Ủy viên	15 tháng 11 năm 2011	
Ông Đỗ Anh Đức	Ủy viên	29 tháng 5 năm 2010	
Ông Nguyễn Trung Duy	Ủy viên	29 tháng 5 năm 2010	
Ông Trần Đức Chiến	Ủy viên	29 tháng 5 năm 2010	
Ông Phùng Danh Thắm	Ủy viên	14 tháng 5 năm 2011	

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Lê Thị Thủy	Trưởng ban	29 tháng 5 năm 2010
Ông Nguyễn Tuấn Hoàng	Ủy viên	29 tháng 5 năm 2010
Ông Chu Quốc Vinh	Ủy viên	29 tháng 5 năm 2010

Ban điều hành, quản lý

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Trần Dũng Tiến	Q. Tổng Giám đốc	27 tháng 3 năm 2012	
Ông Lê Minh Tuấn	Tổng Giám đốc	15 tháng 11 năm 2011	27 tháng 3 năm 2012

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị Công ty được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng quản trị đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Chế độ kế toán của Công ty Chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT - BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

2010 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Hội đồng quản trị Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Chế độ kế toán của Công ty Chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT - BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Trịnh Quốc Vân
Ngày 07 tháng 8 năm 2012

65
ON
NO
AI
RU
013-
INH
TY
HUUH
À TƯ V
ỘI
-TP.H



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Min
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 27
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha No
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho
www.a-c.com.vn

Số: 287/2012/BCTC-KTTV-KT1

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 THÁNG ĐẦU
CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 07 tháng 8 năm 2012, từ trang 06 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Chế độ kế toán của Công ty Chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT - BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan.

Giám đốc



Nguyễn Hoàng Đức

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0368/KTV

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2012

Kiểm toán viên

Hoàng Thị Việt

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0374/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 28 Tầng Bạt Hồ - Phạm Đình Hồ - Hai Bà Trưng - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B01-CTCK

Ban hành theo thông tư số 95/2008/TT-BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		55.812.635.291	52.222.273.655
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	21.282.816.991	32.348.684.167
1. Tiền	111		14.241.943.658	7.312.765.740
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.040.873.333	25.035.918.427
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.057.514.487	5.468.499.487
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	5.697.643.907	13.257.089.507
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(1.640.129.420)	(7.788.590.020)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.418.685.401	12.609.088.766
1. Phải thu của khách hàng	131	V.4	28.837.187.000	12.304.597.000
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	177.637.500	194.922.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.6	12.110.901	109.569.766
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(608.250.000)	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.053.618.412	1.796.001.235
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	408.297.176	183.679.999
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	1.612.321.236	1.612.321.236
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	33.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 28 Tầng Bạt Hồ - Phạm Đình Hồ - Hai Bà Trưng - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Mẫu số B01-CTCK

Ban hành theo thông tư số 95/2008/TT-BTC
ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		4.864.950.416	5.405.981.390
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.230.521.881	2.759.703.195
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	1.031.902.780	1.423.046.896
<i>Nguyên giá</i>	222		3.749.015.724	3.898.526.591
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.717.112.944)	(2.475.479.695)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	947.399.101	1.085.436.299
<i>Nguyên giá</i>	228		2.026.901.850	2.026.901.850
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.079.502.749)	(941.465.551)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	251.220.000	251.220.000
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		-	-
- <i>Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>	254		-	-
- <i>Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	255		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.634.428.535	2.646.278.195
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	114.437.621	126.287.281
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.15	2.519.990.914	2.519.990.914
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		60.677.585.707	57.628.255.045

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Mẫu số B01-CTCK

Địa chỉ: Số 28 Tầng Bạt Hồ - Phạm Đình Hồ - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Ban hành theo thông tư số 95/2008/TT-BTC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		5.391.250.265	4.016.762.858
I. Nợ ngắn hạn	310		5.391.250.265	4.016.762.858
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.16	-	239.913.718
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	48.362.737	20.076.102
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	18.907.580	155.923.646
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.19	5.323.761.552	3.600.630.996
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		-	-
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		218.396	218.396
13. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	-
15. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		55.286.335.442	53.611.492.187
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	55.286.335.442	53.611.492.187
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		75.000.000.000	75.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		636.000.000	636.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(20.349.664.558)	(22.024.507.813)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		60.677.585.707	57.628.255.045

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 28 Tầng Bạt Hồ - Phạm Đình Hồ - Hai Bà Trưng - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Mẫu số B01-CTCK

Ban hành theo thông tư số 95/2008/TT-BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001	-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	-	-
5. Ngoại tệ các loại	005	-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006	65.603.342.500	(94.322.427.500)
Trong đó:			
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	65.603.342.500	(94.322.427.500)
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	-	-
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của thành viên trong nước	009	65.603.342.500	(94.322.427.500)
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	-	-
6.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011	-	-
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	-	-
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013	-	-
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	-	-
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015	-	-
6.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016	-	-
6.3 Chứng khoán cầm cố	017	-	-
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018	-	-
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	-	-
6.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	020	-	-
6.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	021	-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ	022	-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	-	-
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037	-	-
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047	-	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	-	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	-	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	-	-
10. Chứng khoán nhận uỷ thác đầu giá	084	-	-

Kế toán trưởng



Vũ Thị Thúy

Lập, ngày 07 tháng 8 năm 2012

Chủ tịch HĐQT



Trịnh Quốc Vân

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 28 Tầng Bạt Hồ - Phạm Đình Hồ - Hai Bà Trưng - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B02 - CTCK

Ban hành theo thông tư số 95/2008/TT-BTC
ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

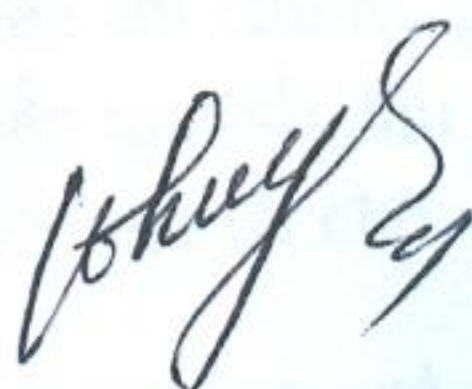
(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01		5.284.689.295	5.756.539.751
Trong đó:				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		2.901.096.658	2.459.766.536
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		-	-
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		-	-
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		53.712.415	-
Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	01.7		-	-
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
Doanh thu khác	01.9	VI.1	2.329.880.222	3.296.773.215
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		21.702.488	71.894.443
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10-01-02)	10		5.262.986.807	5.684.645.308
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.2	1.080.103.161	4.482.545.165
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20-10-11)	20		4.182.883.646	1.202.100.143
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.3	2.436.887.975	3.890.647.523
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30-20-25)	30		1.745.995.671	(2.688.547.380)
8. Thu nhập khác	31	VI.4	11.057.984	14.046.000
9. Chi phí khác	32	VI.5	82.210.400	191.399.456
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(71.152.416)	(177.353.456)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.674.843.255	(2.865.900.836)
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		1.674.843.255	(2.865.900.836)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	223	(392)

Kế toán trưởng



Vũ Thị Thúy

Lập, ngày 07 tháng 8 năm 2012

Chủ tịch HĐQT



Trịnh Quốc Vân

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 28 Tầng Bạt Hồ - Phạm Đình Hồ - Hai Bà Trưng - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B03 - CTCK

Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT-BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.674.843.255	(2.865.900.836)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	508.970.914	630.481.186
- Các khoản dự phòng	03	(5.540.210.600)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.021.944.974)	(2.627.180.167)
- Chi phí lãi vay	06	67.082.500	543.323.654
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(5.311.258.905)	(4.319.276.163)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(16.450.846.635)	3.475.217.035
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	8.933.933.007	(23.400.582.663)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(212.767.517)	78.901.017
- Tiền lãi vay đã trả	13	(67.082.500)	(543.323.654)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(13.108.022.550)	(24.709.064.428)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	(40.460.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	8.000.000	107.015.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.034.155.374	914.560.108
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.042.155.374	981.115.108

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Mẫu số B03 - CTCK

Địa chỉ: Số 28 Tầng Bạt Hồ - Phạm Đình Hồ - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT-BTC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	16.300.000.000	29.495.200.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(16.300.000.000)	(66.995.200.000)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(37.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(11.065.867.176)	(61.227.949.320)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	32.348.684.167	78.976.309.353
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	21.282.816.991	17.748.360.033

Kế toán trưởng



Vũ Thị Thúy

Lập, ngày 07 tháng 8 năm 2012

Chủ tịch HĐQT



Trịnh Quốc Vân

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 28 Tầng Bạt Hồ - Phạm Đình Hồ - Hai Bà Trưng - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B05 - CTCK

Ban hành theo T.Tir số 162/2010/TT-BTC

ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm				Số dư cuối kỳ	
		01/01/2012	01/01/2011	6 tháng đầu năm 2012		Năm 2011		30/06/2012	31/12/2011
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	V.20	75.000.000.000	75.000.000.000	-	-	-	-	75.000.000.000	75.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của Chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ		-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		636.000.000	636.000.000	-	-	-	-	636.000.000	636.000.000
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	V.20	(22.024.507.813)	(6.278.866.933)	1.674.843.255	-	-	(15.745.640.880)	(20.349.664.558)	(22.024.507.813)
Cộng		53.611.492.187	69.357.133.067	1.674.843.255	-	-	(15.745.640.880)	55.286.335.442	53.611.492.187

Kế toán trưởng



Vũ Thị Thúy

Lập, ngày 07 tháng 8 năm 2012

Chủ tịch HĐQT



Trịnh Quốc Vân

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 28 Tầng Bạt Hồ - Phường Phạm Đình Hồ - Quận Hai Bà Trưng - TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Kinh doanh Chứng khoán
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:** Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 có 30 nhân viên đang làm việc tại Công ty (số cuối kỳ trước là 43 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Chế độ kế toán của Công ty Chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT - BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 28 Tăng Bạt Hổ - Phường Phạm Đình Hồ - Quận Hai Bà Trưng - TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Chế độ kế toán của Công ty Chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT - BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản phải thu

Số dư cuối kỳ kế toán của các khoản phải thu khách hàng là khoản phải thu về nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán và các khoản phải thu về hợp tác kinh doanh chứng khoán, giao dịch ký quỹ cho vay kinh doanh chứng khoán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán dưới 6 tháng nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào đánh giá mức độ tổn thất của các khoản phải thu để lập dự phòng.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 28 Tầng Bạt Hồ - Phường Phạm Đình Hồ - Quận Hai Bà Trưng - TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

5. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

6. Đầu tư tài chính

Thông tư số 95/2008/TT-BTC cho phép các Công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc và giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 28 Tầng Bạt Hồ - Phường Phạm Đình Hồ - Quận Hai Bà Trưng - TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

7. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Các chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

8. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu: Là Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Điều 40 của Điều lệ công ty. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập hàng năm bằng 5% lợi nhuận ròng cho đến khi bằng 100 % vốn điều lệ.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập và sử dụng theo quy định và Điều lệ Công ty. Quỹ dự phòng tài chính được trích lập hàng năm bằng 5% lợi nhuận ròng cho đến khi bằng 10 % vốn điều lệ.

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều

103
HÌNH
CÔNG
NHỊ
TOÁN
T
HÀ
Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 28 Tầng Bạt Hồ - Phường Phạm Đình Hồ - Quận Hai Bà Trưng - TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá bán (khi nhận được Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

11. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 28 Tầng Bạt Hồ - Phường Phạm Đình Hồ - Quận Hai Bà Trưng - TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

12. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 28 Tầng Bạt Hồ - Phường Phạm Đình Hồ - Quận Hai Bà Trưng - TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	5.310.390.225	458.000.000
Tiền gửi ngân hàng	8.910.439.067	6.200.025.665
Tiền gửi thanh toán bù trừ GDCK	21.114.366	654.740.075
Các khoản tương đương tiền	7.040.873.333	25.035.918.427
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	7.040.873.333	25.035.918.427
Cộng	21.282.816.991	32.348.684.167

2. Đầu tư ngắn hạn

2.1 Tình hình nắm giữ chứng khoán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu dài ngắn hạn	5.695.950.420	13.255.396.020
Cổ phiếu niêm yết	2.225.470.420	9.784.916.020
Cổ phiếu chưa niêm yết	3.470.480.000	3.470.480.000
Đầu tư ngắn hạn khác	1.693.487	1.693.487
Cộng	5.697.643.907	13.257.089.507

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 28 Tầng Bạt Hồ - Phường Phạm Đình Hồ - Quận Hai Bà Trưng - TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2.2 Tình hình ủy thác đầu tư chứng khoán như sau:

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm
+ Cổ phiếu niêm yết								
- Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVX)	10.000	210.000	2.225.470.420	9.784.916.020	(1.573.629.420)	(7.592.590.020)	651.841.000	2.192.326.000
- Công ty CP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín (SCR)	-	60.400	-	2.326.245.600	-	(1.975.925.600)	-	350.320.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí (PXL)	120.835	120.835	1.963.810.420	1.963.810.420	(1.407.969.420)	(1.528.804.420)	555.841.000	435.006.000
+ Cổ phiếu chưa niêm yết								
- Công ty Cổ phần Bất động sản Exim (Eximland)	200.000	200.000	2.460.000.000	2.460.000.000	-	-	2.460.000.000	2.460.000.000
- Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng (Socon)	10.880	10.880	228.480.000	228.480.000	-	-	228.480.000	228.480.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka (Hanaka)	54.000	54.000	432.000.000	432.000.000	-	-	432.000.000	432.000.000
- Công ty Cổ phần Vật liệu Bưu Điện (PMT)	35.000	35.000	350.000.000	350.000.000	(66.500.000)	(196.000.000)	283.500.000	154.000.000
Cộng			5.695.950.420	13.255.396.020	(1.640.129.420)	(7.788.590.020)	4.055.821.000	5.466.806.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 28 Tầng Bạt Hồ - Phường Phạm Đình Hồ - Quận Hai Bà Trưng - TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Cổ phiếu	Đã niêm yết	Chưa niêm yết	Cộng
Giá trị theo sổ kế toán	2.225.470.420	3.470.480.000	5.695.950.420
Giá trị theo thị trường	651.841.000	3.403.980.000	4.055.821.000
Số phải trích lập dự phòng tại 30/6/2012	1.573.629.420	66.500.000	1.640.129.420
Số đã trích lập dự phòng tại 31/12/2011	7.592.590.020	196.000.000	7.788.590.020
Số hoàn nhập kỳ này	6.018.960.600	129.500.000	6.148.460.600

4. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán	4.251.700.000	840.310.000
Phải thu khách hàng từ hợp tác kinh doanh và ký quỹ chứng khoán (*)	24.585.487.000	11.464.287.000
Cộng	28.837.187.000	12.304.597.000

(*) : Trong đó khoản phải thu khách hàng từ hợp tác kinh doanh số tiền 7.248.987.000 VND đã quá hạn thanh toán (dưới 6 tháng) so với quy định của hợp đồng hợp tác kinh doanh.

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
CN Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tại Hà Nội	-	38.500.000
Công ty TNHH Luật Hà Trần	130.000.000	130.000.000
Công ty TNHH XD Thương mại Hợp Lực	-	26.422.000
Công ty CP Thu nợ Dân An tại Tp HCM	5.000.000	-
Công ty CP du lịch Nội liên Châu á	42.637.500	-
Cộng	177.637.500	194.922.000

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu tiền lãi dự thu ngân hàng	-	101.162.392
Phải thu khác	12.110.901	8.407.374
Cộng	12.110.901	109.569.766

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 28 Tầng Bạt Hồ - Phường Phạm Đình Hồ - Quận Hai Bà Trưng - TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi từ khoản phải thu hợp tác kinh doanh đã quá hạn thanh toán.

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	-
Số trích lập trong kỳ	608.250.000
Số hoàn nhập trong kỳ	-
Số cuối kỳ	608.250.000

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thuê văn phòng	166.640.000	167.440.000
Chi phí thuê máy và các các thiết bị khác	241.657.176	16.239.999
Cộng	408.297.176	183.679.999

9. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước

Là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty nộp thừa (Xem thuyết minh số V.17).

10. Tài sản ngắn hạn khác

Tài sản ngắn hạn khác là khoản tạm ứng phải thu của nhân viên.

11. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	66.000.000	3.832.526.591	3.898.526.591
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	(149.510.867)	(149.510.867)
Số cuối kỳ	66.000.000	3.683.015.724	3.749.015.724
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	26.400.000	2.449.079.695	2.475.479.695
Tăng do trích khấu hao	3.300.000	367.633.716	370.933.716
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	(129.300.467)	(129.300.467)
Số cuối kỳ	29.700.000	2.687.412.944	2.717.112.944
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	39.600.000	1.383.446.896	1.423.046.896
Số cuối kỳ	36.300.000	995.602.780	1.031.902.780

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 28 Tầng Bạt Hồ - Phường Phạm Đình Hồ - Quận Hai Bà Trưng - TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính của Công ty.

	<u>Nguyên Giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	2.026.901.850	941.465.551	1.085.436.299
Tăng trong kỳ	-	138.037.198	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	2.026.901.850	1.079.502.749	947.399.101

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng nâng cấp phần mềm Ebrocker.

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	251.220.000
Chi phí phát sinh trong kỳ	-
Kết chuyển vào tài sản cố định trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	251.220.000

14. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi phí CCDC, đồ dùng văn phòng	98.165.401	21.060.000	52.313.656	66.911.745
Chi phí sửa chữa tài sản	28.121.880	30.000.000	10.596.004	47.525.876
Cộng	126.287.281	51.060.000	62.909.660	114.437.621

15. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	<u>Kỳ này</u>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000
Tiền nộp bổ sung hàng năm	2.283.792.047
Tiền lãi phân bổ hàng năm	116.198.867
Số cuối kỳ	2.519.990.914

16. Phải trả người bán

Là khoản phải trả Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ Phần mềm Nam Việt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 28 Tầng Bạt Hồ - Phường Phạm Đình Hồ - Quận Hai Bà Trưng - TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.612.321.236)	-	-	(1.612.321.236)
Thuế thu nhập cá nhân	20.076.102	427.042.699	398.756.064	48.362.737
Các khoản phí, lệ phí	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	(1.592.245.134)	431.042.699	402.756.064	(1.563.958.499)

Trong đó:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	(1.612.321.236)	(1.612.321.236)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	48.362.737	20.076.102
Cộng	(1.563.958.499)	(1.592.245.134)

Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh V.9).

Thuế giá trị gia tăng

Các hoạt động môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán không thuộc diện chịu thuế GTGT. Các hoạt động cho thuê nhà và cung cấp một số dịch vụ khác trong năm chịu mức thuế suất thuế GTGT là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được xác định như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.674.843.255	(2.865.900.836)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	48.000.000	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	48.000.000	-
Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	48.000.000	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	1.722.843.255	(2.865.900.836)
Lỗ các năm trước được chuyển	(1.722.843.255)	-
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 28 Tầng Bạt Hồ - Phường Phạm Đình Hồ - Quận Hai Bà Trưng - TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả, phải nộp khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	-	28.369.440
Bảo hiểm y tế	-	5.802.840
Bảo hiểm thất nghiệp	-	2.579.040
Phải trả thuế TNCN thu thừa	-	119.073.326
Các khoản phải trả, phải nộp khác	18.907.580	99.000
Cộng	18.907.580	155.923.646

19. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	46.915.866	11.095.187
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	8.430.491	6.765.887
Phải trả nhà đầu tư	5.268.415.195	3.582.769.922
Cộng	5.323.761.552	3.600.630.996

20. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	75.000.000.000	636.000.000	(6.278.866.933)	69.357.133.067
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	(15.745.640.880)	(15.745.640.880)
Số dư cuối năm trước	75.000.000.000	636.000.000	(22.024.507.813)	53.611.492.187
Số dư đầu năm nay	75.000.000.000	636.000.000	(22.024.507.813)	53.611.492.187
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	1.674.843.255	1.674.843.255
Số dư cuối kỳ	75.000.000.000	636.000.000	(20.349.664.558)	55.286.335.442

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.500.000	7.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	7.500.000	7.500.000
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	7.500.000	7.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 28 Tầng Bạt Hồ - Phường Phạm Đình Hồ - Quận Hai Bà Trưng - TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	729.651.084	935.995.350
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	263.178.108	308.437.767
Lãi hợp tác kinh doanh	1.304.504.290	1.715.940.864
Doanh thu khác	32.546.740	336.399.234
Cộng	2.329.880.222	3.296.773.215

2. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	513.083.766	576.463.077
Chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán	4.430.445.600	-
Chi phí nhân viên trực tiếp	714.875.265	1.033.441.197
Chi phí vật tư đồ dùng	17.035.978	112.458.955
Chi phí khấu hao TSCĐ	361.699.876	406.549.447
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	309.441.720	665.391.865
Chi phí dự phòng	(5.540.210.600)	-
Chi phí khác	273.731.556	1.688.240.624
Cộng	1.080.103.161	4.482.545.165

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.108.654.861	1.816.542.303
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	63.183.240	256.043.047
Chi phí khấu hao tài sản cố định	147.271.038	223.931.739
Thuế phí và lệ phí	3.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.055.302.475	1.474.769.472
Chi phí bằng tiền khác	59.476.361	115.360.962
Cộng	2.436.887.975	3.890.647.523

4. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền thanh lý tài sản	8.000.000	13.960.000
Thu nhập khác	3.057.984	86.000
Cộng	11.057.984	14.046.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 28 Tầng Bạt Hồ - Phường Phạm Đình Hồ - Quận Hai Bà Trưng - TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Chi phí khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	20.210.400	38.716.047
Tiền phạt thuế	-	91.754.355
Thù lao trả cho HĐQT và BGD	62.000.000	-
Chi phí khác	-	60.929.054
Cộng	82.210.400	191.399.456

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.674.843.255	(2.865.900.836)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.674.843.255	(2.865.900.836)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7.500.000	7.315.068
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	223	(392)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	7.500.000	5.000.000
Ảnh hưởng của 2.500.000 cổ phiếu phổ thông phát hành thêm cho cổ đông	-	2.315.068
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7.500.000	7.315.068

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 28 Tầng Bạt Hồ - Phường Phạm Đình Hồ - Quận Hai Bà Trưng - TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Thu nhập của Ban Giám đốc	161.707.721	330.474.637
Cộng	161.707.721	330.474.637

2. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	<u>Giá trị sổ sách</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.282.816.991	32.348.684.167	21.282.816.991	32.348.684.167
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	4.057.514.487	5.468.499.487	4.057.514.487	5.468.499.487
Phải thu khách hàng	28.837.187.000	12.304.597.000	28.837.187.000	12.304.597.000
Các khoản phải thu khác	45.110.901	109.569.766	45.110.901	109.569.766
Cộng	54.222.629.379	50.231.350.420	54.222.629.379	50.231.350.420
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	-	239.913.718	-	239.913.718
Các khoản phải trả khác	5.342.669.132	3.756.554.642	5.342.669.132	3.756.554.642
Cộng	5.342.669.132	3.996.468.360	5.342.669.132	3.996.468.360

3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 28 Tầng Bạt Hồ - Phường Phạm Đình Hồ - Quận Hai Bà Trưng –TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Phải trả người bán	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	5.342.669.132	-	-	5.342.669.132
Cộng	5.342.669.132	-	-	5.342.669.132
Số đầu năm				
Phải trả người bán	239.913.718	-	-	239.913.718
Các khoản phải trả khác	3.756.554.642	-	-	3.756.554.642*
Cộng	3.996.468.360	-	-	3.996.468.360

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

5. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI NAM

Địa chỉ: Số 28 Tầng Bạt Hồ - Phường Phạm Đình Hồ - Quận Hai Bà Trưng - TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Lập, ngày 07 tháng 8 năm 2012

Kế toán trưởng



Vũ Thị Thúy

Chủ tịch HĐQT



Trịnh Quốc Vân